

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LAI CHÂU

Truyền thông chính sách dự thảo Nghị quyết: “Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lai Châu”

Hiện nay, mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã) đã được triển khai trong thực tiễn và từng bước đi vào ổn định. Việc tổ chức lại bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm phù hợp với phương thức quản lý mới; giảm tầng nấc trung gian, tăng cường phân cấp, phân quyền, qua đó nâng cao tính chủ động, linh hoạt và trách nhiệm của cấp cơ sở trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, đặc biệt là hoạt động khuyến nông, việc thực hiện chính quyền hai cấp có tác động trực tiếp đến tổ chức bộ máy, phương thức triển khai và hiệu quả thực hiện các chính sách hỗ trợ. Theo đó, vai trò của cấp tỉnh trong ban hành cơ chế, chính sách và phân bổ nguồn lực được tăng cường; đồng thời, cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) trở thành đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện, gần với người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

Trên địa bàn tỉnh Lai Châu, với đặc thù là tỉnh miền núi, địa hình phức tạp, dân cư phân tán, trình độ sản xuất không đồng đều, việc triển khai các hoạt động khuyến nông chủ yếu dựa vào hệ thống cơ sở và đội ngũ cộng tác viên tại địa bàn. Trong bối cảnh thực hiện chính quyền hai cấp, yêu cầu đặt ra là phải tăng cường năng lực cho cấp cơ sở, đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách về nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Thực hiện Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã; Công văn số 8492/UBND-TH ngày 30/12/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về việc đề xuất danh mục Nghị quyết và dự kiến thời gian trình HĐND tỉnh ban hành trong năm 2026. Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Với các nội dung được trình bày dưới đây. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ cộng đồng để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, đảm bảo chính sách đi vào cuộc sống một cách hiệu quả nhất.

Mục đích của việc xây dựng Nghị quyết:

- Cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn; tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất để tổ chức triển khai hiệu quả hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động khuyến nông, bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới, địa bàn rộng, dân cư phân tán; góp phần thúc đẩy chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp.
- Quy định rõ chế độ đãi ngộ, hỗ trợ đối với cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, tạo động lực, khuyến khích đội ngũ này gắn bó lâu dài, nâng cao trách nhiệm, chất lượng hoạt động tại cơ sở.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khuyến nông, bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong phân bổ và sử dụng nguồn lực; tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và sự tham gia của người dân.
- Góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng – an ninh trên địa bàn tỉnh.

Quan điểm xây dựng nghị quyết:

Việc xây dựng Nghị quyết được thực hiện trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- Phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025.
- Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thống nhất với các văn bản của Trung ương và của tỉnh; không chồng chéo, trùng lặp với các cơ chế, chính sách đã ban hành.
- Xuất phát từ thực tiễn của tỉnh Lai Châu, bám sát điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm sản xuất nông nghiệp, trình độ dân trí, tập quán canh tác của đồng bào các dân tộc; bảo đảm tính khả thi, thiết thực và hiệu quả.
- Xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ, bảo đảm công bằng, minh bạch, đúng đối tượng, tránh dàn trải, lãng phí.

- Đảm bảo cân đối nguồn lực thực hiện, phù hợp với khả năng ngân sách địa phương; đồng thời khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tham gia hoạt động khuyến nông.

- Đẩy mạnh phân cấp, tăng cường trách nhiệm của chính quyền cơ sở, phát huy vai trò của cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, đồng hành cùng nông dân.

Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

- Cộng tác viên khuyến nông, Tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Dự thảo quy định Mức hỗ trợ cụ thể:

Tại Điều 2. Nội dung chi, mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng

a) Chi thù lao giảng viên thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu (*Sau đây gọi là Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND*). Phụ cấp tiền ăn giảng viên; nơi ở cho giảng viên thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND. Chi hỗ trợ tiền đi lại của giảng viên thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính.

b) Chi thù lao trợ giảng: 300.000 đồng/người/buổi. Phụ cấp tiền ăn trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho trợ giảng thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.

2. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

3. Chi giải khát giữa giờ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND là 40.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có).

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong

lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 50% mức quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

5. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

a) Đối với khảo sát, học tập trong nước: Hỗ trợ tiền ăn, nơi ở thực hiện theo Khoản 4 Điều này; hỗ trợ phương tiện đưa, đón người học thực hiện theo hợp đồng, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

b) Đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Tại Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền

1. Chi xây dựng nội dung tuyên truyền khuyến nông, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi nhuận bút cho các tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện đại chúng: Mức chi áp dụng theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập, hội nghị giao ban khuyến nông vùng, hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông

a) Chi thuê hội trường, tài liệu, nước uống; chi hỗ trợ tiền ăn, nơi ở cho đại biểu tham gia diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập, hội nghị giao ban khuyến nông vùng, hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Chi tiền đi lại của đại biểu theo Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính.

b) Chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số

05/2025/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh Lai Châu Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.

5. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp: Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Lai Châu.

6. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Nội dung, mức chi áp dụng quy định tại Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tại Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Xây dựng mô hình trình diễn

a) Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu:

- Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

- Mô hình trình diễn ở địa bàn còn lại được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

b) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp.

- Chi bồi dưỡng cho giảng viên, hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền nước uống, hỗ trợ tiền đi lại theo Điều 2 Nghị quyết này.

c) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

2. Nhân rộng mô hình

Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo tham quan học tập nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Tại Điều 5. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông

a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết này.

c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo chứng từ chi tiêu hợp pháp và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại Điều 6. Số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng

1. Tổ Khuyến nông cộng đồng:

a) Số lượng: Mỗi xã, phường (đối với xã, phường có hoạt động sản xuất nông nghiệp) bố trí 01 tổ khuyến nông cộng đồng.

b) Tiêu chuẩn: Thực hiện theo Mục 7 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Cộng tác viên khuyến nông:

a) Cộng tác viên khuyến nông phải có trình độ chuyên môn trung cấp trở lên, có một trong các chuyên ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, thú y.

b) Cộng tác viên khuyến nông được Ủy ban nhân dân cấp xã, phường ký hợp đồng theo quy định của Luật lao động.

c) Cộng tác viên khuyến nông được hưởng chế độ hàng tháng tương ứng với trình độ đào tạo như sau:

- Tốt nghiệp Đại học trở lên hưởng tối thiểu 150% so với mức lương cơ sở.
- Tốt nghiệp Cao đẳng hưởng tối thiểu 140% so với mức lương cơ sở.

- Tốt nghiệp Trung cấp hưởng tối thiểu 130% so với mức lương cơ sở.

d) Cộng tác viên khuyến nông thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng chế độ thanh toán khác theo quy định của pháp luật.

e) Cộng tác viên khuyến nông được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

Tại Điều 7. Các nội dung chi, mức hỗ trợ khác

Các nội dung chi, mức hỗ trợ khác không quy định cụ thể tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.

Tại Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

a) Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang triển khai thực hiện thì được tiếp tục triển khai thực hiện theo dự toán đã phê duyệt.

b) Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách quy định tại các văn bản khác nhau thì các tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ từ một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất; đối với các nội dung chi, mức hỗ trợ không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo các văn bản quy định của cấp có thẩm quyền đã ban hành.

d) Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Tại Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên do ngân sách địa phương bảo đảm cho các hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.

2. Kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu khuyến nông.

3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Với những nội dung chính của Dự thảo Nghị quyết như trên. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của Nhân dân và các tổ chức để dự thảo Nghị quyết được hoàn

thiện, sát với thực tiễn và phát huy hiệu quả cao nhất.

Mọi ý kiến tham gia xin gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Khuyến nông và Kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn. Địa chỉ: Tầng 06 tòa nhà số 02 khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh phường Tân Phong tỉnh Lai Châu; Số điện thoại: 0213 3877789).